CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG
VIET LONG INVESTMENT RQUIPMENT CORPORATION
Điện thoại: 08. 6292 4304 - 08. 6296 2619 Fax: 08. 6296 2686. Hotline: 0909 175 879
Website: www.bulongvietlong.vn - www.bulongvietlong.net Email: bulongvietlong@gmail.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC

THE FILE OF CAPACITY

MỤC LỤC

1. Giới thiệu

2. Thông tin công ty

3. Hồ sơ pháp nhân

4. Ngành nghề hoạt động

5. Báo cáo tài chính

6. Tổ chức nhân sự

7. Sản phẩm chủ lực

8. Hệ thống nhà xưởng

9. Khách hàng thân thiết

10. Hợp đồng tiêu biểu

GIỚI THIỆU

Công ty cổ phần đầu tư thiết bị Việt Long - VIETLONG.JSC được thành lập năm 2012, là một đơn vị chuyên sản xuất và nhập khẩu các sản phẩm bulong, ốc vít.

Chúng tôi có đa dạng các chủng loại bulong, ốc vít với trữ lượng hàng tồn kho lớn. Có thể đáp ứng được hầu hết các nhu cầu về bulong của khách hàng trong thời gian nhanh nhất.

Công ty chúng tôi có thể cung cấp cho khách hàng hơn 200 chủng loại sản phẩm và hơn 1000 quy cách sản phẩm tiêu chuẩn, phi tiêu chuẩn và hàng đặt theo yêu cầu với các mác thép như 4.6, 4.8, 5.6, 6.6, 8.8, 10.9, 12.9 đến mác thép không rỉ như SUS201, SUS410, SUS304, SUS316. Sản phẩm chính của chúng tôi bao gồm: Bulong, ốc vít, Inox lục giác. Các sản phẩm được dập nguội và nóng từ M2-M70 như bulong neo, tyren, tắc kê nở, bulong lục giác, bulong lục giác chìm, vít pake, vít gỗ, vít tự khoan, thanh ren, cũng như các loại đai ốc và vòng đệm.

Công ty chúng tôi luôn luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm, lấy chất lượng sản phẩm là nền tảng cơ bản cho doanh nghiệp và liên tục đổi mới là sự sống còn của doanh nghiệp chúng tôi.

Các sản phẩm của VIETLONG.JSC được sản xuất từ nguyên liệu Inox nhập khẩu chất lượng cao (SS304, SS316) theo các tiêu chuẩn như GB, DIN, ANSI, JIS, ISO, vv.

Sản phẩm của chúng tôi được ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp như viễn thông, cơ khí, cầu đường, xây dựng, xây lắp dầu khí, nhà tiền chế, lắp máy, nhà máy đóng tàu, sản xuất và lắp ráp đồ gia dụng, thiết bị vệ sinh, thiết bị y tế, trang trí nội ngoại thất...

Với phương châm hoạt động: "Sự hài lòng của khách hàng là sự thành công của chúng tôi", đội ngũ cán bộ, nhân viên VIETLONG.JSC đã và đang quyết tâm xây dựng thương hiệu công ty ngày một vững mạnh, là địa chỉ tin cậy của quý khách hàng.

THÔNG TIN CÔNG TY

- *Tên công ty: Công ty cổ phần đầu tư thiết bị Việt Long*
- *Tên tiếng anh: VIET LONG INVESTMENT EQUIPMENT CORPORATION*
- *Tên viết tắt: VIETLONG.JSC*
- *Trụ sở: 286 Hồng Lạc, P. 11, Q,. Tân Bình, TP. HCM*
- *VPGD: 23 Ba Vì, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM*
- *Mã số thuế: 0311563943*
- *Số tài khoản: 131526899 Ngân hàng ACB- chi nhánh Quận Bình Thạnh, TP. HCM.*
- *Điện thoại: 08. 6292 4304 - 08. 6296 2619*
- *Fax: 08. 6296 2686*
- *Hotline: 0909 175 879*
- *Website: www.bulongvietlong.vn*
  www.bulongvietlong.net
- *Email: bulongvietlong@gmail.com*

HỒ SƠ PHÁP NHÂN

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0311563943

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 02 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 29 tháng 04 năm 2014

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET LONG INVESTMENT EQUIPMENT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: VIET LONG INVESTMENT EQUIPMENT CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

286 Hồng Lạc, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *08-62924304* Fax: *08-62962686*

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933 (Chính)*
2	Lập trình máy vi tính	*6201*
3	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet tại trụ sở).	*6202*
4	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet tại trụ sở).	*6209*
5	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet tại trụ sở).	*6311*
6	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	*6329*
7	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	*5012*
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	*5229*

HỒ SƠ PHÁP NHÂN

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn đồ ngũ kim. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn vật liệu khác còn lại trong xây dựng.	4663
10	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
11	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất các loại keo (không hoạt động tại trụ sở).	2011
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các loại keo.	4669
13	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng; hàng trang trí nội thất.	4649
14	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất.	4759
15	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở).	3100
16	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy hải sản; thực phẩm tươi sống (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thực phẩm chức năng.	4632
17	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở).	1010
18	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản (không hoạt động tại trụ sở).	1020
19	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).	1030
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).	4620
21	Xây dựng nhà các loại	4100
22	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
23	Xây dựng công trình công ích	4220
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
25	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất. Thiết kế thời trang.	7410
26	Phá dỡ (không hoạt động tại trụ sở).	4311
27	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322

HỒ SƠ PHÁP NHÂN

STT	Tên ngành	Mã ngành
30	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
34	Quảng cáo	7310
35	Cho thuê xe có động cơ	7710
36	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng.	5610
37	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu bia, quầy bar).	5630
38	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).	5510
39	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
40	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở).	4721
41	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở).	4722
42	Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở).	0210
43	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản (không hoạt động tại trụ sở).	1080
44	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở).	0111
45	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở).	0112
46	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở).	0113
47	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở).	0114
48	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (không hoạt động tại trụ sở).	0118
49	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở).	0121
50	Trồng cây điều (không hoạt động tại trụ sở).	0123
51	Trồng cây hồ tiêu (không hoạt động tại trụ sở).	0124
52	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở).	0125
53	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở).	0126

STT	Tên ngành	Mã ngành
54	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở).	0127
55	Chăn nuôi trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở).	0141
56	Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở).	0145
57	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở).	0146
58	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
59	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
61	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).	1410
62	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở).	1430
63	Sản xuất giày dép (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở).	1520
64	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở).	1512
65	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở).	1321
66	Sản xuất thảm, chăn đệm (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở).	1323
67	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở).	1322
68	Hoàn thiện sản phẩm dệt (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).	1313
69	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
70	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 1.700.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 170.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH QUY	Thôn Xuân Phú 2, Xã Suối Tiên, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	17,65	225370840	
			Tổng số	30.000	300.000.000	17,65		
2	HUỲNH VĂN HIỆP	Thôn Trung, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	110.000	1.100.000.000	64,7	225142469	
			Tổng số	110.000	1.100.000.000	64,7		
3	TRỊNH THỊ THU THANH	017/GC, Xã An Đức, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	17,65	320854898	
			Tổng số	30.000	300.000.000	17,65		

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: HUỲNH VĂN HIỆP Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/12/1978* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *225142469*

Ngày cấp: *31/08/2005* Nơi cấp: *CA Tỉnh Khánh Hòa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Trung, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Trung, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

HỒ SƠ PHÁP NHÂN

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: 23 Đường Ba Vì, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Văn Thanh Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM

Mẫu số: B-01/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2012

Người nộp thuế: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG**

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Email:

Đơn vị tiền: Đồng việt nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TÀI SẢN				
A	**A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)**	**100**		**2.800.923.977**	
I	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01	601.709.455	
II	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)**	**120**	III.05		
1	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129			
III	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**1.108.563.972**	
1	1. Phải thu của khách hàng	131		971.063.972	
2	2. Trả trước cho người bán	132		137.500.000	
3	3. Các khoản phải thu khác	138			
4	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV	**IV. Hàng tồn kho**	**140**		**1.083.884.873**	
1	1. Hàng tồn kho	141	III.02	1.083.884.873	
2	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V	**V. Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**6.765.677**	
1	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		6.765.677	
2	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			
3	3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
4	3. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B	**B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240)**	**200**		**101.830.314**	
I	**I. Tài sản cố định**	**210**	III.03.04	**37.558.816**	
1	1. Nguyên giá	211		38.352.728	
2	2. Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	212		(793.912)	
3	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II	**II. Bất động sản đầu tư**	**220**			
1	1. Nguyên giá	221			
2	2. Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	222			
III	**III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**230**	III.05		
1	1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239			
IV	**IV. Tài sản dài hạn khác**	**240**		**64.271.498**	
1	1. Phải thu dài hạn	241			
2	2. Tài sản dài hạn khác	248		64.271.498	

3	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 =100 + 200)	**250**		**2.902.754.291**	
	NGUỒN VỐN				
A	**A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)**	**300**		**753.965.613**	
I	**I. Nợ ngắn hạn**	**310**		**753.965.613**	
1	1. Vay ngắn hạn	311			
2	2. Phải trả cho người bán	312		350.435.209	
3	3. Người mua trả tiền trước	313		398.738.919	
4	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06	4.791.485	
5	5. Phải trả người lao động	315			
6	6. Chi phí phải trả	316			
7	7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
9	9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
10	10.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
11	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
II	**II. Nợ dài hạn**	**330**			
1	1. Vay và nợ dài hạn	331			
2	2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332			
3	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334			
4	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336			
5	5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338			
6	6. Dự phòng phải trả dài hạn	339			
B	**B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**2.148.788.678**	
I	**I. Vốn chủ sở hữu**	**410**	**III.07**	**2.148.788.678**	
1	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.700.000.000	
2	2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6	6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		448.788.678	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**2.902.754.291**	
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1	1- Tài sản thuê ngoài				
2	2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3	3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4	4- Nợ khó đòi đã xử lý				
5	5- Ngoại tệ các loại				

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Emai

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.312.502.250	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		**4.312.502.250**	
4	Giá vốn hàng bán	11		2.527.992.460	
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**1.784.509.790**	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		422.350	
7	Chi phí tài chính	22			
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lýkinh doanh	24		1.188.856.261	
9	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 – 24)**	**30**		**596.075.879**	
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**			
13	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**	IV.09	**596.075.879**	
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		149.018.970	
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)**	**60**		**447.056.909**	

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Mẫu số: B-03/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Email:

Đơn vị tiền: Đồng việt nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.141.947.197	
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(2.131.713.718)	
3	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(504.760.000)	
4	4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		183.748.914	
7	7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(2.749.582.560)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(1.060.360.167)**	
II	**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1	1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(38.352.728)	
2	2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22			
3	3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5	5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6	6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7	7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		422.350	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(37.930.378)**	
III	**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1	1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.700.000.000	
2	2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3	3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4	4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5	5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**1.700.000.000**	
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**601.709.455**	
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60			
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**		**601.709.455**	

Mẫu số: B-01/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2013

Người nộp thuế: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG**

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Email:

Đơn vị tiền: Đồng việt nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TÀI SẢN				
A	**A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)**	**100**		**3.250.835.161**	**2.800.923.977**
I	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01	618.676.856	601.709.455
II	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)**	**120**	III.05		
1	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129			
III	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**1.246.978.206**	**1.108.563.972**
1	1. Phải thu của khách hàng	131		814.934.956	971.063.972
2	2. Trả trước cho người bán	132		319.543.250	137.500.000
3	3. Các khoản phải thu khác	138		112.500.000	
4	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV	**IV. Hàng tồn kho**	**140**		**1.358.514.025**	**1.083.884.873**
1	1. Hàng tồn kho	141	III.02	1.358.514.025	1.083.884.873
2	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V	**V. Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**26.666.074**	**6.765.677**
1	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		26.666.074	6.765.677
2	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			
3	3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
4	3. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B	**B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240)**	**200**		**410.312.007**	**101.830.314**
I	**I. Tài sản cố định**	**210**	III.03.04	**323.208.126**	**37.558.816**
1	1. Nguyên giá	211		336.698.183	38.352.728
2	2. Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	212		(13.490.057)	(793.912)
3	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II	**II. Bất động sản đầu tư**	**220**			
1	1. Nguyên giá	221			
2	2. Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	222			
III	**III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**230**	III.05		
1	1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239			
IV	**IV. Tài sản dài hạn khác**	**240**		**87.103.881**	**64.271.498**
1	1. Phải thu dài hạn	241			
2	2. Tài sản dài hạn khác	248		87.103.881	64.271.498

3	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 =100 + 200)	**250**		**3.661.147.168**	**2.902.754.291**
	NGUỒN VỐN				
A	**A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)**	**300**		**860.436.426**	**753.965.613**
I	**I. Nợ ngắn hạn**	**310**		**860.436.426**	**753.965.613**
1	1. Vay ngắn hạn	311			
2	2. Phải trả cho người bán	312		860.436.426	350.435.209
3	3. Người mua trả tiền trước	313			398.738.919
4	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06		4.791.485
5	5. Phải trả người lao động	315			
6	6. Chi phí phải trả	316			
7	7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
9	9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
10	10.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
11	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
II	**II. Nợ dài hạn**	**330**			
1	1. Vay và nợ dài hạn	331			
2	2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332			
3	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334			
4	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336			
5	5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338			
6	6. Dự phòng phải trả dài hạn	339			
B	**B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**2.800.710.742**	**2.148.788.678**
I	**I. Vốn chủ sở hữu**	**410**	**III.07**	**2.800.710.742**	**2.148.788.678**
1	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.700.000.000	1.700.000.000
2	2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6	6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		1.100.710.742	448.788.678
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**3.661.147.168**	**2.902.754.291**
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1	1- Tài sản thuê ngoài				
2	2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3	3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4	4- Nợ khó đòi đã xử lý				
5	5- Ngoại tệ các loại				

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Người nộp thuế: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG**

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Emai

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.657.513.470	4.312.502.250
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		**4.657.513.470**	**4.312.502.250**
4	Giá vốn hàng bán	11		2.549.190.621	2.527.992.460
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**2.108.322.849**	**1.784.509.790**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		227.302	422.350
7	Chi phí tài chính	22			
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lýkinh doanh	24		1.239.320.732	1.188.856.261
9	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 – 24)**	**30**		**869.229.419**	**596.075.879**
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**			
13	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**	IV.09	**869.229.419**	**596.075.879**
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		217.307.355	149.018.970
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)**	**60**		**651.922.064**	**447.056.909**

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Mẫu số: B-03/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Email:

Đơn vị tiền: Đồng việt nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.315.385.767	4.141.947.197
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(1.625.880.544)	(2.131.713.718)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(375.245.000)	(504.760.000)
4	4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(62.500.000)	
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		278.645.812	183.748.914
7	7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(2.215.320.481)	(2.749.582.560)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**315.085.554**	**(1.060.360.167)**
II	**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1	1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(298.345.455)	(38.352.728)
2	2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22			
3	3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5	5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6	6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7	7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		227.302	422.350
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(298.118.153)**	**(37.930.378)**
III	**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1	1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			1.700.000.000
2	2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3	3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4	4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5	5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**			**1.700.000.000**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**16.967.401**	**601.709.455**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		601.709.455	
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**		**618.676.856**	**601.709.455**

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Mẫu số: B-01/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2014

Người nộp thuế: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG**

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Email:

Đơn vị tiền: Đồng việt nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TÀI SẢN				
A	**A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)**	**100**		**3.934.801.988**	**3.250.835.161**
I	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01	57.698.167	618.676.856
II	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)**	**120**	III.05		
1	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129			
III	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**1.716.128.251**	**1.246.978.206**
1	1. Phải thu của khách hàng	131		1.230.552.050	814.934.956
2	2. Trả trước cho người bán	132		256.050.601	319.543.250
3	3. Các khoản phải thu khác	138		229.525.600	112.500.000
4	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV	**IV. Hàng tồn kho**	**140**		**2.150.210.120**	**1.358.514.025**
1	1. Hàng tồn kho	141	III.02	2.150.210.120	1.358.514.025
2	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V	**V. Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**10.765.450**	**26.666.074**
1	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		10.765.450	26.666.074
2	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			
3	3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
4	3. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B	**B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240)**	**200**		**511.146.641**	**410.312.007**
I	**I. Tài sản cố định**	**210**	III.03.04	**511.146.641**	**323.208.126**
1	1. Nguyên giá	211		571.698.183	336.698.183
2	2. Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	212		(60.551.542)	(13.490.057)
3	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II	**II. Bất động sản đầu tư**	**220**			
1	1. Nguyên giá	221			
2	2. Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	222			
III	**III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**230**	III.05		
1	1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239			
IV	**IV. Tài sản dài hạn khác**	**240**			**87.103.881**
1	1. Phải thu dài hạn	241			
2	2. Tài sản dài hạn khác	248			87.103.881

3	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 =100 + 200)	**250**		**4.445.948.629**	**3.661.147.168**
	NGUỒN VỐN				
A	**A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)**	**300**		**715.050.240**	**860.436.426**
I	**I. Nợ ngắn hạn**	**310**		**715.050.240**	**860.436.426**
1	1. Vay ngắn hạn	311			
2	2. Phải trả cho người bán	312		715.050.240	860.436.426
3	3. Người mua trả tiền trước	313			
4	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06		
5	5. Phải trả người lao động	315			
6	6. Chi phí phải trả	316			
7	7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
9	9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
10	10.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
11	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
II	**II. Nợ dài hạn**	**330**			
1	1. Vay và nợ dài hạn	331			
2	2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332			
3	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334			
4	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336			
5	5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338			
6	6. Dự phòng phải trả dài hạn	339			
B	**B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**3.730.898.389**	**2.800.710.742**
I	**I. Vốn chủ sở hữu**	**410**	**III.07**	**3.730.898.389**	**2.800.710.742**
1	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.700.000.000	1.700.000.000
2	2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6	6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		2.030.898.389	1.100.710.742
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**4.445.948.629**	**3.661.147.168**
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1	1- Tài sản thuê ngoài				
2	2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3	3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4	4- Nợ khó đòi đã xử lý				
5	5- Ngoại tệ các loại				

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Người nộp thuế: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG**

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Emai

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	5.084.112.101	4.657.513.470
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		**5.084.112.101**	**4.657.513.470**
4	Giá vốn hàng bán	11		2.670.550.520	2.549.190.621
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**2.413.561.581**	**2.108.322.849**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		676.732	227.302
7	Chi phí tài chính	22			
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lýkinh doanh	24		1.484.050.666	1.239.320.732
9	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 – 24)**	**30**		**930.187.647**	**869.229.419**
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**			
13	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**	IV.09	**930.187.647**	**869.229.419**
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			217.307.355
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)**	**60**		**930.187.647**	**651.922.064**

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Mẫu số: B-03/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG

Mã số thuế: 0 3 1 1 5 6 3 9 4 3

Địa chỉ trụ sở: 286 Hồng Lạc, Phường 11

Quận Huyện: Tân Bình Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

Điện thoại: Fax: Email:

Đơn vị tiền: Đồng việt nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.084.112.101	4.315.385.767
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(2.915.200.312)	(1.625.880.544)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(420.000.000)	(375.245.000)
4	4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(13.500.000)	(62.500.000)
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		508.411.210	278.645.812
7	7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(2.570.478.420)	(2.215.320.481)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(326.655.421)**	**315.085.554**
II	**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1	1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(235.000.000)	(298.345.455)
2	2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22			
3	3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5	5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6	6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7	7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		676.732	227.302
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(234.323.268)**	**(298.118.153)**
III	**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1	1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2	2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3	3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4	4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5	5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**			
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**(560.978.689)**	**16.967.401**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		618.676.856	601.709.455
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**		**57.698.167**	**618.676.856**

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

NGHÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

- Nhập khẩu bulong ốc vít cường độ cao(8.8, 10.9, 12.9), bulong inox(SUS201, SUS304, SUS316) từ các nước Nga, Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc. Các nhà cung cấp tiêu biểu như: Jiangsu shenyuan, Jiaxing Yaoliang, Ningbo Exact, Wuxi Jinguangfa
- Sản xuất, gia công các loại bulong, ốc vít cấp bền 4.6, 5.6, 6.6

SẢN PHẨM CHỦ LỰC

BULONG CW 88 REN LỬNG, REN SUỐT

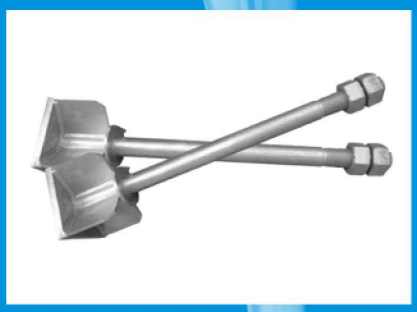
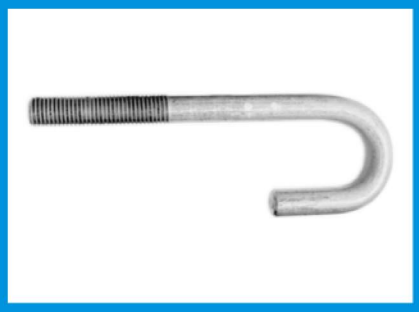

GIA CÔNG BULONG NEO, BULONG MÓNG THEO YÊU CẦU

NHẬN XI MẠ CÁC MẶT HÀNG BULONG

VÍT THẠCH CAO KÍCH THƯỚC KHÁC NHAU

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

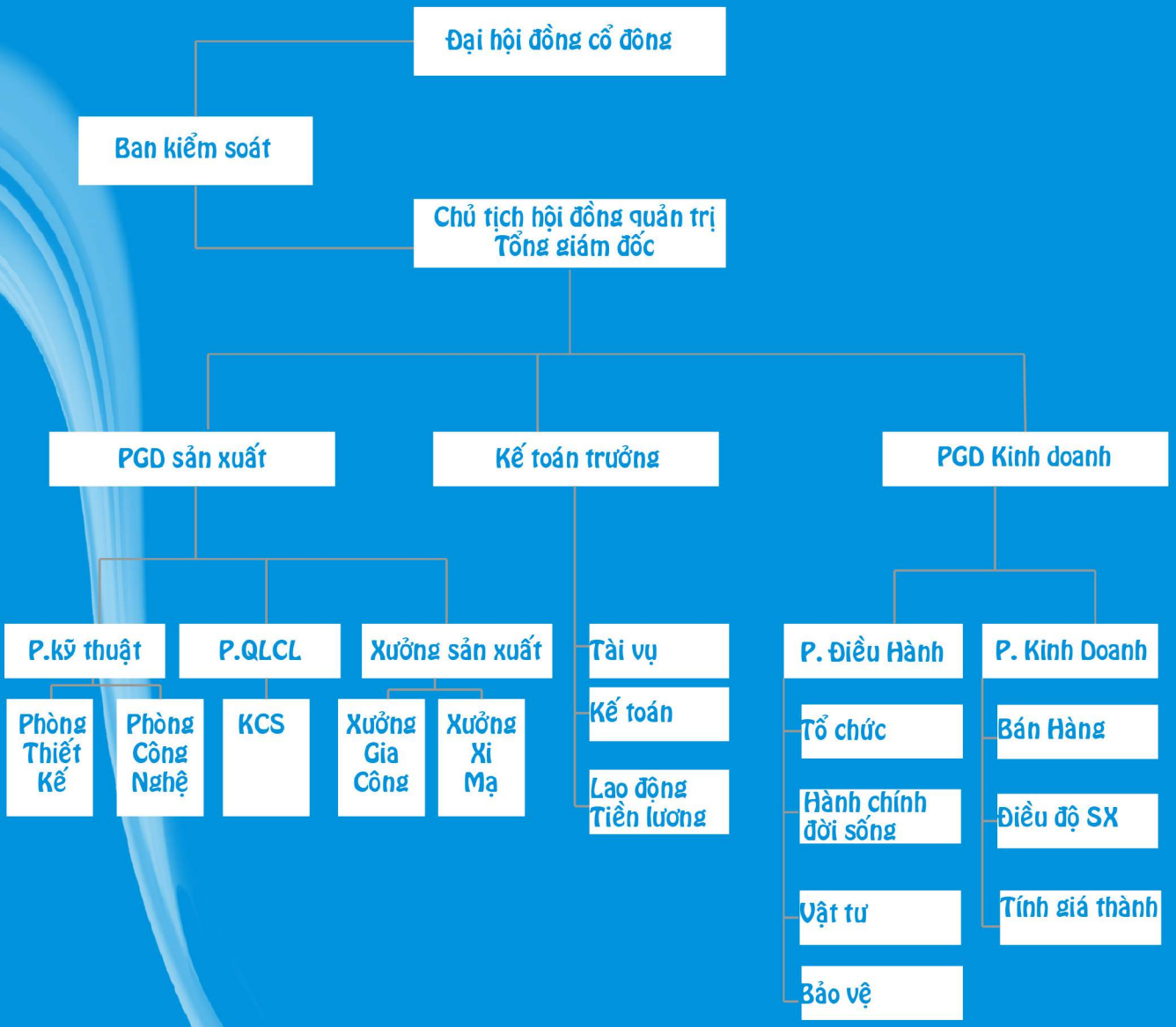

HỆ THỐNG NHÀ XƯỞNG

NHÀ XƯỞNG VIETLONG

Địa chỉ: Nhà xưởng: KCN Lê Minh Xuân, Lô H21A, Bình Chánh, TP. HCM
Quy mô:
+Diện tích: 5 hecta
+Công nhân: 150 người
+Máy móc: hơn 80 thiết bị máy móc gồm máy tiện, máy cắt, máy đo độ cứng, máy đo độ dày... nhập khẩu từ Đài Loan, Nhật bản và Nga

NHÀ XƯỞNG VIETLONG

Nhà xưởng chuyên sản xuất, gia công các loại bulong ốc vít hàng thường cấp bền từ 4.6-6.6

NHÀ XƯỞNG VIETLONG

Các sản phẩm chính của nhà máy chúng tôi bao gồm bulong, bulong neo các loại

HỆ THỐNG NHÀ XƯỞNG

NHÀ XƯỞNG

BULONG THÉP CHO NGÀNH

XÂY DỰNG

BULONGVIETLONG.VN

Hệ thông xả cuộn và cắt bulong

Máy cán bulong

NHÀ XƯỞNGKIỂM TRA

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

SẢN PHẨM BULONG

BULONGVIETLONG.VN

Máy dập bulong

NHÀ XƯỞNG GIA CÔNG

DẬP BULONG THEO

YÊU CẦU

BULONGVIETLONG.VN

DANH SÁCH ĐỐI TÁC

1. CÔNG TY TNHH MEGA
Địa chỉ : H2E, KP4, Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
Tel : 0618823253 Fax : 0618823254
Website : www.megamachinery.com.vn

2. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRẦN NGUYỄN
Địa Chỉ : Số 69, Đường số 08, Phường Bình An, Q.2, Tp Hồ Chí Minh.
Tel : (08) 62960731 Fax : (08) 62960731
Website : www.trannguyenco.com.vn

3. CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY DUNG QUẤT
Địa chỉ : Huyện Tân Hy, xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
Tel : (55) 3620055 Fax : (55) 3611464
Website : www.dqsy.vn

4. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI AN XUÂN THỊNH
Địa Chỉ : Số 729 đường Tạ Quang Bửu, Phường 04, Quận 08, Tp.HCM
Tel : (08) 54314701 Fax : (08) 54310597
Website : www.axt.vn

5. CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ BÌNH NGUYÊN
Địa Chỉ : số 18, Tam Trinh, P. Mai động, Q. hoàng mai, Hà Nội
Tel : (4) 3576 4880/77 Fax : (4) 3576 4885
Website : www.binh-nguyen.com

6. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 14
Địa Chỉ : Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tel : (08) 3829 0039 Fax : (08) 3829 3714
Website : www.cc14.com.vn

8. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN PHONG
Địa Chỉ : Đường số 2, KĐT An Phú - An Khánh, P. An Phú, Quận 2, Tp. HCM
Tel : (08) 6281 8866 Fax : (08) 6281 8867
Website : www.anphong.vn

7. TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THUỶ LỢI 4 -CTCP
Địa chỉ : 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel : (08) 38993850 Fax : (08) 38993851
Website : www.thuyloi4.com.vn

8. CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ÔTÔ THỦ ĐỨC
Địa chỉ : 01 Xa lộ Hà Nội, Quận 9, Tp.HCM
Tel : (08) 38.962.232 Fax : (08) 37.308.692

9. CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ QUANG TRUNG
Địa chỉ : Lô A cụm công nghiệp Quang Trung, P. Hiệp Thành,Q.12, TP. Hồ Chí Min
Tel : (08) 3 7112043 - 3 7112044 Fax : (08) 3 7112044
Website : www.ckquangtrung.com

10. CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ NAM VIỆT
Địa chỉ : 363/2/24, đường Bình Lợi, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM
Tel : (08) 3554 0 566 Fax : (08) 3554 0 554
Website : www.cautrucnamviet.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VIỆT LONG

VIET LONG INVESTMENT RQUIPMENT CORPORATION

Điện thoại: 08. 6292 4304 - 08. 6296 2619 Fax: 08. 6296 2686. Hotline: 0909 175 879

Website: www.bulongvietlong.vn - www.bulongvietlong.net Email: bulongvietlong@gmail.com